

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ để tuyển chọn và xét giao trực tiếp cho thực hiện từ năm 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2553/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định cơ chế quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ các dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 được thành lập theo các Quyết định từ số 3378/QĐ-BKHHCN đến số 3380/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 11 năm 2016 và các Quyết định từ số 3405/QĐ-BKHHCN đến số 3413/QĐ-BKHHCN ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đặt hàng các dự án áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ để tuyển chọn và xét giao trực tiếp cho thực hiện từ năm 2017 (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan:

(i) Đối với danh mục các dự án đặt hàng để tuyển chọn nêu tại Điều 1 Quyết định này:

- Thông báo danh mục các dự án trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn;

- Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo quy định hiện hành;

- Tổ chức Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí đối với các Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện dự án được tuyển chọn theo quy định hiện hành.

(ii) Đối với danh mục các dự án đặt hàng để xét giao trực tiếp

Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ xét duyệt thuyết minh và Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí các dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SHTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Việt Thanh

Trần Việt Thanh

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN

thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ để tuyển chọn và xét giao trực tiếp cho thực hiện từ năm 2017
đôi với nhóm dự án áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích

(Kèm theo Quyết định số 780/QĐ-BKHCN ngày 05 / 04 /2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)



| TT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Tóm tắt nội dung | Sản phẩm dự kiến | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|---|--|---|---|---|
| I | Nhóm dự án áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích của Việt Nam | | | | |
| 1 | Áp dụng các sáng chế số 7913, 9529 và giải pháp hữu ích số HI-0201 để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ phân thải chăn nuôi, bùn mía và than bùn theo các sáng chế số 7913, 9529 và giải pháp hữu ích số HI-0201 tại tỉnh Gia Lai trên quy mô công nghiệp | Sản xuất thành công phân bón hữu cơ vi sinh từ phân thải chăn nuôi, bùn mía và than bùn theo các sáng chế số 7913, 9529 và giải pháp hữu ích số HI-0201 tại tỉnh Gia Lai trên quy mô công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện và áp dụng thực tiễn quy trình xử lý phân thải chăn nuôi, bùn mía và than bùn thành nguyên liệu để sản xuất phân hữu cơ vi sinh trên quy mô công nghiệp theo các sáng chế số 7913, 9529 tại tỉnh Gia Lai; - Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh theo Giải pháp hữu ích số HI-0201 tại nhà máy phân vi sinh, Bình đoàn 15, công suất 15.000 - 25.000 tấn/năm; - Ứng dụng thực tiễn việc sử dụng phân vi sinh được sản xuất trong khuôn khổ dự án cho cây cao su và cây cà phê. | <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 350 tấn phân thải chăn nuôi, 250 tấn bùn mía, 400 tấn than bùn được xử lý cho việc sản xuất khoảng 1000 tấn phân hữu cơ vi sinh loại 1-3-1;1-4-1 và 5-3-5; - Quy trình sản xuất phân vi sinh theo sáng chế và giải pháp hữu ích từ phân thải chăn nuôi, bùn mía và than bùn công suất từ 15.000 - 25.000 tấn/năm; - Báo cáo kết quả ứng dụng sản phẩm phân bón trong khuôn khổ dự án cho cây cao su và cà phê. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu sáng chế nhà máy phân vi sinh, Bình đoàn 15 |
| 2 | Áp dụng sáng chế số 7430 để xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác từ bãi chôn lấp rác thải quy mô cấp huyện | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được hệ thống đủ năng lực xử lý quy mô cấp huyện; - Nước rỉ rác được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. | <ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm, gia công chế tạo hệ cấp khí và chế tạo, xây dựng modul bê xử lý hiệu khí trong mô hình xử lý nước rỉ rác; - Thử nghiệm, phát triển và sản xuất chế phẩm vi sinh vật bản địa; - Xây dựng và kiểm định năng lực xử lý hệ thống xử lý nước rỉ rác. | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý nước rỉ rác từ bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt; - Quy trình công nghệ gia công chế tạo, lắp đặt, vận hành và khai thác hệ thống xử lý nước rỉ rác; | Xét giao trực tiếp cho tác giả sáng chế, Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, Đại học Bách khoa Hà Nội |

| TT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Tóm tắt nội dung | Sản phẩm dự kiến | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|--|--|---|--|---|
| 3 | Áp dụng giải pháp hữu ích số 1074 để sản xuất chế phẩm hỗ trợ điều trị ung thư | Sản xuất và thực hiện các thủ tục, quy trình để lưu hành được chế phẩm hỗ trợ điều trị ung thư | <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất chế phẩm ở quy mô Pilot từ được liệu Việt Nam đã được thu hoạch và sơ chế với công suất 1000.000 viên/mẻ; - Đánh giá, phân tích thành phần các chất có chủ đạo trong chế phẩm làm cơ sở khoa học đánh giá tính ổn định và chất lượng của sản phẩm; - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho chế phẩm hỗ trợ điều trị ung thư và đăng ký sản xuất chế phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm tại Bộ Y tế. | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình sản xuất quy mô Pilot; - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn theo quy định. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu giải pháp hữu ích |
| 4 | Áp dụng giải pháp hữu ích số 935 quy trình sản xuất sản phẩm giàu axit béo omega-3 để tạo thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung EPA, DHA chất lượng cao | Sản xuất thành công sản phẩm giàu axit béo omega-3 từ nguồn nguyên liệu sinh vật biển (<i>phụ phẩm chế biến thủy sản</i>), quy mô 500kg nguyên liệu/mẻ | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào; - Xây dựng quy trình và tiến hành phân lập dầu béo thô từ phụ phẩm chế biến thủy sản; - Xây dựng quy trình và tiến hành tinh chế sản phẩm; - Sản xuất sản phẩm viên nang mềm Omega 3; - Xây dựng quy trình sử dụng sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất; - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đánh giá độ an toàn của sản phẩm. | <ul style="list-style-type: none"> - 02 Tiêu chuẩn (<i>đầu vào, đầu ra của sản phẩm</i>); - 100 lít dầu omega-3; - 100.000 viên nang mềm omega-3; - 01 sản phẩm được cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm của Bộ Y tế. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu giải pháp hữu ích |
| 5 | Áp dụng sáng chế số 15706 để sản xuất hệ thống bạt che dùng trong nuôi trồng thủy sản | Chế tạo thành công hệ thống bạt che dùng cho nuôi trồng thủy sản theo sáng chế số 15706 | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, hoàn thiện công nghệ chế tạo hệ thống bạt che; - Sản xuất, áp dụng hệ thống bạt che trên mô hình nuôi trồng thủy sản. | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ, bản thiết kế chế tạo hệ thống bạt che; - Hệ thống bạt che. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu sáng chế |

| TT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Tóm tắt nội dung | Sản phẩm dự kiến | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|--|--|--|--|--|
| 6 | Áp dụng sáng chế số 14431 để sản xuất vật liệu và thiết bị xử lý nước uống an toàn sinh học | Hoàn thiện quy trình và sản xuất thành công vật liệu, dụng cụ và thiết bị lọc nước uống an toàn sinh học theo quy định và tiêu chuẩn ngành | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình chế tạo vật liệu lọc ceramic xốp có định nano bạc bằng phương pháp khử in-situ từ vật liệu set cao lanh; - Nghiên cứu thiết kế và chế tạo bộ dụng cụ lọc nước uống quy mô gia đình kiểu tự chảy; - Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị lọc nước với vật liệu lọc có định nano bạc với công suất lớn 1000 lít/giờ; - Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị lọc nước quy mô gia đình có và không có áp lực | <ul style="list-style-type: none"> - Các quy trình chế tạo thiết bị và dụng cụ lọc; - 10 lô vật liệu lọc nước ceramic xốp có định nano bạc với các dạng định hình khác nhau, mỗi lô 50 kg; - 50 bộ dụng cụ lọc nước quy mô gia đình kiểu tự chảy; - 01 thiết bị lọc nước công suất 1000 lít/giờ; - 10 bộ thiết bị lọc nước gia đình kiểu có và không có áp lực. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu sáng chế |
| 7 | Áp dụng sáng chế số 6641 để thiết kế chế tạo máy gạt đập liên hợp | Chế tạo thành công máy gạt đập liên hợp theo sáng chế phù hợp điều kiện khu vực đồng bằng sông Cửu Long | <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế máy gạt đập liên hợp theo sáng chế; - Chế tạo máy gạt đập liên hợp; - Ứng dụng thử nghiệm trên đồng ruộng; - Đánh giá, hiệu chỉnh máy gạt đập liên hợp. | <ul style="list-style-type: none"> - Máy gạt đập liên hợp có năng suất, tỷ lệ hao hụt đạt tiêu chuẩn; - Quy trình, thiết kế chế tạo máy gạt đập. | Xét giao trực tiếp cho chủ sở hữu sáng chế |
| 8 | Áp dụng sáng chế số 15098 để sản xuất gạch ống không nung từ tro xỉ thải của nhà máy nhiệt điện giải quyết Tân, Bình Thuận | Ứng dụng sáng chế để sản xuất gạch ống không nung từ tro xỉ thải của nhà máy Nhiệt điện giải quyết ô nhiễm môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng giải pháp kỹ thuật xử lý phù hợp với đặc điểm của nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân; - Chuẩn bị, lắp đặt và hoàn thiện các điều kiện để phục vụ việc sản xuất; - Sản xuất gạch không nung không nung ở quy mô công nghiệp; - Quảng bá sản phẩm và đánh giá mức độ chấp nhận của thị trường. | <ul style="list-style-type: none"> - Gạch không nung được sản xuất theo sáng chế số 15098 đạt tiêu chuẩn; - Quy trình, thiết kế sản xuất gạch không nung từ sáng chế số 15098. | Tuyển chọn |



| TT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Tóm tắt nội dung | Sản phẩm dự kiến | Phương thức tổ chức thực hiện |
|--|--|---|--|--|--|
| 9 | Hỗ trợ hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm máy cấy lúa của tác giả Trần Đại Nghĩa, tỉnh Thái Bình, sản phẩm đoạt giải hữu ích của Chương trình “Sáng kiến và Giải pháp” năm 2015 | Hỗ trợ hoàn thiện thiết kế, chế tạo và thương mại hóa máy cấy của tác giả Trần Đại Nghĩa, sản phẩm Thái Bình, sản phẩm đoạt giải hữu ích của Chương trình “Sáng kiến và Giải pháp” năm 2015 | - Hoàn thiện thiết kế máy cấy của tác giả Trần Đại Nghĩa; - Nghiên cứu đổi mới qui trình công nghệ chế tạo máy cấy lúa; - Định giá sản phẩm phục vụ cho mục tiêu thương mại hóa sản phẩm. - Hỗ trợ xây dựng phương án thương mại hóa sản phẩm; - Kết nối, nhân rộng và nhằm thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm. | - 03 sản phẩm máy cấy lúa; - 01 bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì máy cấy lúa; - 01 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật của máy cấy lúa; - 01 báo cáo định giá sản phẩm; - 01 báo cáo về phương án thương mại hóa sản phẩm; - 01 báo cáo về các phương án kết nối để phổ biến và nhân rộng. | Xét giao trực tiếp cho Viện Nghiên cứu Sáng chế và Khai thác Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tác giả Trần Đại Nghĩa |
| II Áp dụng sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam | | | | | |
| 10 | Áp dụng sáng chế số US 7615761 không bảo hộ tại Việt Nam để chế tạo thiết bị soi phục vụ trong công tác khám nghiệm hiện trường | Nghiên cứu, chế tạo thành công thiết bị soi hiện trường từ sáng chế US 7615761 | - Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế chế tạo thiết bị soi hiện trường; - Sản xuất thử nghiệm thiết bị theo kết quả nghiên cứu; - Áp dụng thử nghiệm sản phẩm trên hiện trường. | - Quy trình, thiết kế chế tạo thiết bị; - Thiết bị soi hiện trường từ sáng chế US 7615761 phù hợp với tiêu chuẩn ngành. | Xét giao trực tiếp cho Cục Quản lý Công nghiệp an ninh và Doanh nghiệp, Bộ Công An |
| 11 | Áp dụng sáng chế số US 5272440A và 102014224642 B3 không bảo hộ tại Việt Nam để sản xuất thiết bị giám sát cách điện dùng cho khu vực phẫu thuật của bệnh viện | Sản xuất thành công thiết bị giám sát cách điện và tích hợp vào hệ thống điện cách ly theo sáng chế số US 5272440A và 102014224642 B3 | - Xây dựng mô hình toán học, thiết kế cấu hình và lựa chọn thông số thích hợp cho thiết bị; - Xây dựng phần mềm điều khiển; - Chế tạo, thử nghiệm thiết bị; - Hiệu chỉnh, kiểm tra độ chính xác và hoàn thiện sản phẩm; - Áp dụng thực tiễn sản phẩm tại một số bệnh viện. | - Quy trình, thiết kế chế tạo thiết bị; - Thiết bị giám sát cách điện. | Tuyển chọn |

| TT | Tên dự án | Mục tiêu/yêu cầu | Tóm tắt nội dung | Sản phẩm dự kiến | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----|---|---|---|--|--|
| 12 | <p>Áp dụng sáng chế US6833143B1 không bảo hộ tại Việt Nam để phát triển sản phẩm điều trị Alzheimer từ rau đắng biển Việt Nam</p> | <p>Ứng dụng sáng chế để phát triển sản phẩm điều trị Alzheimer từ rau đắng biển Việt Nam.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát và đánh giá nguồn nguyên liệu đầu vào; - Xây dựng quy trình tách chiết quy mô pilot từ sáng chế số US6833143B1; - Xây dựng qui trình chiết tách các saponin chính phục vụ cho việc kiểm nghiệm nguyên liệu và kiểm nghiệm thành phẩm - Nghiên cứu bào chế tạo các sản phẩm - Nghiên cứu độ an toàn của cao chiết (độc tính cấp, độc tính bán trường diễn). - Thử tác dụng dược lý cải thiện trí nhớ trên thực nghiệm. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. | <ul style="list-style-type: none"> - Cao giàu Bacosides từ rau đắng biển Việt Nam (hàm lượng bacosides $\geq 20\%$); - Quy trình tách chiết cao giàu Bacosides từ rau đắng biển Việt Nam quy mô pilot (200kg/mẻ); - Qui trình chiết tách các saponin chính phục vụ cho việc kiểm nghiệm nguyên liệu và kiểm nghiệm thành phẩm; - Công thức bào chế; - Quy trình sản xuất quy mô pilot 100.000 viên/mẻ; - Kết quả độc tính cấp, bán trường diễn. Kết quả cải thiện trí nhớ trên thực nghiệm và Bộ tiêu chuẩn cơ sở cho chế phẩm. | <p>Tuyển chọn</p> |
| 13 | <p>Áp dụng sáng chế số US8916700B2 không bảo hộ tại Việt Nam để sản xuất carboxymethyl cellulose (CMC) từ phế phẩm công nghiệp và nông nghiệp</p> | <p>Làm chủ quy trình sản xuất CMC ở quy mô công nghiệp;</p> <p>Áp dụng sản phẩm CMC trong sản xuất sản phẩm gạch men.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thành phần của nguyên liệu sản xuất; - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tinh chế cellulose, tổng hợp CMC; - Sản xuất CMC ở quy mô công nghiệp; - Ứng dụng CMC trong sản xuất gạch men và đánh giá kết quả khoa học và thực tiễn việc ứng dụng CMC để sản xuất gạch men. | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình hoàn thiện sản xuất CMC ở quy mô công nghiệp; - Sản phẩm CMC và bộ tiêu chuẩn của sản phẩm; - Báo cáo và hồ sơ về kết quả ứng dụng sản phẩm CMC trong sản xuất gạch men. | <p>Xét giao cho Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội</p> |